

Số: 1160/2020/QĐST-HNGĐ

*Thủ Đức, ngày 12 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 58 quyền 01/2009 ngày 18 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1075/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố A, đường K, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố A, đường K, phường L, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 04 tháng 11 năm 2020, ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1982 thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Thu Q thuận tình ly hôn;

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh K (nam), sinh ngày 03 tháng 6 năm 2011 cho ông Nguyễn Minh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Minh D (nam), sinh ngày 16 tháng 3 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong việc dân sự; Nợ chung: không có; Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình là 300.000đồng, ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Thu Q chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự hoà giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 04 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự hoà giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Thu Q thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh K (nam), sinh ngày 03 tháng 6 năm 2011 cho ông Nguyễn Minh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Minh D (nam), sinh ngày 16 tháng 3 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết trọng vụ việc này.

1.4. Nợ chung: Không có

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị Thu Q chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng là tạm ứng lệ phí mà ông C, bà Q đã nộp theo Biên lai thu số 0058017 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông C, bà Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Thủ Đức;
- Chi cục THADS, Q. Thủ Đức;
- UBND phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thanh**

